TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/DSPT
Ngày: 19/01/2021
V/v tranh chấp *"Thừa kế và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Thanh Triều**

Bà **Trần Thị Kim Em**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Đoàn Quốc Nam** là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Từ Thị Kỳ** - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 13, 19 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 490/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp *"Thừa kế và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 138/2020/DSST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 602/2020/QĐPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị S**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Võ Huy Tr**, sinh năm 1955. (có mặt)

Địa chỉ: ½ đường 30/4, Khu phố 1, Phường 1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Bà **Huỳnh Kim T**, sinh năm 1957. (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 4 M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Huỳnh Văn Đ**, sinh năm 1955 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 19 đường N, phường 6, quận 5, TP Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Bà **Huỳnh Thị K**, sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Số 48/6 đường N, phường 6, quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Ông **Trương Hữu D**, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 4 M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích: Ông Nguyễn Xuân Th – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư H – Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

Người làm chứng:

Ông **Thái Văn Q**, sinh năm 1995. (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Do có kháng cáo của: *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị S**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

** Tại đơn khởi kiện ngày 10/5/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Huỳnh Thị S trình bày:* Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1926, chết năm 1998 và bà Trần Thị Đ1, sinh năm 1926, chết năm 2016 có tổng cộng 04 người con gồm ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1955, bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1954, bà Huỳnh Kim T, sinh năm 1957 và bà là Huỳnh Thị S, sinh năm 1963. Lúc chung sống cha mẹ bà tạo lập được hai thửa đất thuộc tờ bản đồ số 02, thửa số 968, diện tích 5.128m^2, đất 2L và thửa số 621, diện tích 2.038m^2, đất Q, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0845749, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Huỳnh Văn T1 ngày 13/5/1996. Đối với phần đất diện tích 2.038m^2, lúc cha mẹ còn sống đã chuyển nhượng cho ông Lê Văn B và ông Thái Văn Ng, các bên đã giao nhận tiền và đất xong nhưng chưa làm thủ tục sang tên chuyển quyền, còn lại phần đất diện tích 5.128m^2 hiện do bà Huỳnh Kim T và ông Trương Hữu D đang trực tiếp canh tác, quản lý tại phần đất có thửa số mới là 18, diện tích đo đạc thực tế là 4.731m^2. Do cha mẹ chết không để lại di chúc nên bà yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật, yêu cầu được nhận một kỷ phần diện tích 1.183,1m^2 và đồng ý hoàn trả lại giá trị cây trồng trên đất cho bà T, ông D theo biên bản định giá ngày 19/02/2020.

** Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Thanh T2 đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Huỳnh Kim T (có yêu cầu phản tố) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập) ông Trương Hữu D trình bày:* Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông T1 được sử dụng 02 thửa đất, cụ thể thửa số 621, diện tích 2.038m^2, lúc còn sống ông T1 và bà Đ1 đã chuyển nhượng cho ông Lê Văn B và ông Thái Văn Ng, mỗi người một nửa, các bên đã giao nhận tiền và đất xong, chưa làm thủ tục sang tên nên các bên không có tranh chấp hay yêu cầu gì đối với phần đất này. Còn phần đất thuộc thửa số 968, diện tích 5.128m^2 (nay thuộc thửa số 18, diện tích đo đạc thực tế 4.731m^2), bà Đ1 cũng đã chuyển nhượng cho bà T và ông D vào năm 1995 với giá 06 lượng vàng 24Kr, các bên đã giao nhận vàng, đất xong, ông D và bà T đã canh tác phần đất này trên 24 năm. Nay ông yêu cầu công nhận giao dịch mua bán giữa bà T, ông D và bà Trần Thị Đ1 vào ngày 12/7/1995, không đồng ý yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà Huỳnh Thị S.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Huỳnh Văn Đ xác định trước đây cha mẹ ông có bán phần đất thửa số 621, diện tích 2.038m^2 cho cho ông Lê Văn B và Thái Văn Ng, mỗi người một nửa, các bên đã giao nhận tiền và đất xong, chỉ còn làm thủ tục sang tên. Còn phần đất thuộc thửa số 968, diện tích 5.128m^2 (nay thuộc thửa số 18, diện tích đo đạc thực tế 4.731m^2), bà Đ1 cũng đã chuyển nhượng cho bà T và ông D vào năm 1995 với giá 06 lượng vàng 24Kr, ông có ký đồng ý bán, còn việc nhận tiền là do bà Đ1 nhận. Nay ông không có yêu cầu gì đối với hai phần đất này và đồng ý ký làm thủ tục sang tên nếu các bên có yêu cầu.

Bà Huỳnh Thị K cũng thống nhất theo ý kiến và yêu cầu của ông Đ và khẳng định trước giờ bà không nhận bất cứ tài sản gì của cha mẹ cho và cũng đồng ý ký tên làm thủ tục sang tên, chuyển quyền cả hai phần đất nếu các bên có yêu cầu.

** Người làm chứng:* Anh Thái Văn Q xác định là trước đây ba anh là Thái Văn Ng có nhận chuyển nhượng ½ phần đất thuộc thửa số 621, diện tích 2.038m^2 của ông Huỳnh Văn T1 và bà Trần Thị Đ1, các bên đã giao nhận vàng, đất canh tác hơn 25 năm nhưng chưa làm thủ tục sang tên.

Bản án dân sự sơ thẩm số 138/2020/DSST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân huyện C, tỉnh Tiền Giang Căn cứ vào các điều 609, 612, 613, 623, 650 và 651 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Xác định phần đất thuộc thửa số 18, tờ bản đồ số 21, diện tích 4.731m^2, tọa lạc ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang là di sản của ông Huỳnh Văn T1 và bà Trần Thị Đ1.

Chia cho bà Huỳnh Thị S phần đất diện tích 1.183,1m^2, có tứ cận:

Hướng Đông giáp đường bê tông có số đo 8,46 mét.

Hướng Tây giáp đất ông Lê Văn B có số đo 8,45 mét.

Hướng Nam giáp đất giao cho bà T, ông D có số đo 150,05 mét.

Hướng Bắc giáp đất bà Ngô Thị T3 có số đo 107,10 mét.

Buộc bà Huỳnh Thị S có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Huỳnh Kim T và ông Trương Hữu D giá trị cây trồng với số tiền 203.973.000 (Hai trăm lẻ ba triệu, chín trăm bảy mươi ba ngàn) đồng và 15 (Mười lăm) chỉ vàng 24K.

Giao cho bà Huỳnh Kim T và ông Trương Hữu D phần đất diện tích 3.547,9m^2, có tứ cận:

Hướng Đông giáp đường bê tông có số đo 26,34 mét.

Hướng Tây giáp đất ông Lê Văn B có số đo 20,78 mét.

Hướng Nam giáp đất bà Bùi Thị Hai có số đo 155,33 mét.

Hướng Bắc giáp đất chia cho bà Huỳnh Thị S có số đo 150,05 mét.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Huỳnh Kim T và yêu cầu độc lập của ông Trương Hữu D, về việc yêu cầu công nhận giấy giao kèo chuyển nhượng đất giữa bà Trần Thị Đ1 và ông Trương Hữu D ngày 12/7/1995 là hợp pháp.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 07/10/2020 bà Huỳnh Thị S có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 138/2020/DSST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu sửa án sơ thẩm và không đồng ý trả cho ông D, bà T 15 chỉ vàng 24kr.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Giấy giao kèo chuyển nhượng đất ký ngày 12/7/1995 giữa cụ Trần Thị Đ1 và ông Trương Hữu D không hợp pháp vì tại thời điểm này phần đất diện tích 5.128m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 1996 cụ T1 mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng cụ Đ1 lại đứng ra chuyển nhượng. Đồng thời, giấy giao kèo cụ Đ1 không ký tên, điểm chỉ mà chỉ gạch chéo, không có nhân chứng nên không có cơ sở xác định cụ Đ1 ký tên giấy giao kèo. Đối với chữ ký của ông Huỳnh Văn Đ xác định ký sau khi lập giấy giao kèo nên ông Đ cũng không biết có việc giao kèo vàng giữa bà Đ1 với

ông D. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị S, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Đ1 và ông Trương Hữu D theo tờ giao kèo chuyển nhượng đất ký ngày 12/7/1995 thực tế có phát sinh do các con trong gia đình đều biết việc chuyển nhượng đất. ông D, bà T đã trực tiếp sử dụng đất từ năm 1995 đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà S là có cơ sở vì tại thời điểm lập giấy giao kèo chuyển nhượng đất ngày 12/7/1995, cụ T1 vẫn còn minh mẫn nhưng cụ Đ1 lại tự định đoạt việc chuyển nhượng. Mặc khác, cụ Đ1 không ký tên, điểm chỉ mà chỉ gạch chéo trong giấy giao kèo, không có người làm chứng nên không có căn cứ xác định cụ Đ1 chuyển nhượng đất cho ông D, nên không có căn cứ xác định cụ Đ1 có nhận vàng của ông D. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] ***Về tố tụng*:**

Đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị S thực hiện đúng qui định theo Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo đúng qui định Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Thừa kế quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" đúng yêu cầu của đương sự và qui định của Bộ luật dân sự.

[2] ***Về nội dung***:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Cụ ông Huỳnh Văn T1 và cụ Trần Thị Đ1 chung sống có 04 người con gồm Huỳnh Văn Đ, Huỳnh Thị K, Huỳnh Kim T và Huỳnh Thị S. cụ T1 chết năm 1998, cụ Đ1 chết năm 2016 không để lại di chúc. Quá trình chung sống cụ T1, cụ Đ1 có tạo lập được phần đất thửa 968, diện tích 5.128m^2, đất 2L; Thửa 621, diện tích 2.038m^2, loại đất Q, tờ bản đồ 02 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0845749 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 13/5/1996 cho cụ Huỳnh Văn T1.

Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm các đương sự thống nhất không tranh chấp đối với thửa 621, tờ bản đồ 02, diện tích 2.038m^2 nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế là diện tích 5.128m^2 thửa 968 là có căn cứ đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo về yêu cầu chia thừa kế nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị S, xét:

Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký kết ngày 12/7/1995 giữa cụ Trần Thị Đ1 và ông Trương Hữu D, theo tờ "Giao kèo chuyển nhượng quyền sử dụng đất" thì cụ Đ1 chuyển nhượng cho ông D phần đất diện tích 5.100m^2 (đo thực tế 4.731m^2), giá 06 lượng vàng 24k. cụ Đ1 đã giao đất cho ông D, bà T và nhận 06 lượng 24k. Chứng cứ chứng minh của bị đơn là tờ giao kèo chuyển nhượng đất có chữ ký của cụ Đ1 và ông Đ và thực tế vợ chồng ông đã canh tác sử dụng phần đất trên từ năm 1995 đến nay.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định lúc còn sống cụ Đ1 có chuyển giao phần đất này cho ông D, bà T quản lý, canh tác đến nay đã hơn 25 năm và cụ Đ1 đã nhận đủ 06 lượng vàng 24k (theo xác nhận và lời làm chứng của ông Đ và bà K) để buộc bà S có nghĩa vụ trả lại cho ông D, bà T số vàng mà cụ Đ1 đã nhận tương ứng với kỷ phần thừa kế là không có căn cứ vì: Tờ giao kèo chuyển nhượng do ông D viết, có chữ ký ông D, cụ Đ1 không ký tên, điểm chỉ mà chỉ dấu gạch chéo, không có người làm chứng. Phía bà S không thừa việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Đ1 và ông D mà ông D, bà T không có chứng cứ nào chứng minh dấu gạch chéo trong tờ giao kèo là do cụ Đ1 ký. Đồng thời, căn cứ lời trình bày của ông Huỳnh Văn Đ tại phiên tòa sơ thẩm "*Mẹ tôi bán cho vợ chồng bà T, giấy giao kèo chuyển nhượng đất thì gửi lên thành phố Hồ Chí Minh cho tôi ký, còn vàng thì mẹ tôi nhận*". Từ lời trình bày của ông Đ có cơ sở xác định tờ giao kèo bán đất ông Đ ký sau khi lập giấy và ông Đ cũng không chứng kiến việc giao nhận vàng của cụ Đ1. Đối với lời trình bày bà K thì cho rằng bà có chứng kiến việc giao nhận vàng giữa cụ Đ1 và ông D, lời trình bày của bà K là mâu thuẫn với lời trình bày của ông D, bà T là tại thời điểm ký giấy giao kèo chỉ có mặt ông Đ, cụ Đ1. Mặc khác, nếu bà K có chứng kiến việc nhận vàng của cụ Đ1 thì tại sao bà K không ký tên vào giấy giao kèo chuyển nhượng ngày 12/7/1995 mà lại gởi giấy giao kèo bán đất lên thành phố Hồ Chí Minh cho ông Đ ký. Do đó, không có căn cứ xác định cụ Đ1 có ký giấy giao kèo bán đất ngày 12/7/1995 và nhận vàng của ông D nên yêu cầu kháng cáo của bà S là có căn cứ nên được chấp nhận.

Từ những phân tích trên xét yêu cầu kháng cáo của bà S là có căn cứ chấp nhận. Quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Về án phí: Bị đơn Huỳnh Kim T, ông Trương Hữu D thuộc trường hợp được miễn án phí và có đơn xin miễn giảm án phí ngày 13/01/2021 theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 468, 609, 612, 613, 624, 650, 651 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị S. Sửa bản án sơ thẩm số 138/2020/DSST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân huyện C.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Xác định phần đất thuộc thửa số 18, tờ bản đồ số 21, diện tích 4.731m^2, tọa lạc ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang là di sản của ông Huỳnh Văn T1 và bà Trần Thị Đ1.

Chia cho bà Huỳnh Thị S phần đất diện tích 1.183,1m^2, có tứ cận:

Hướng Đông giáp đường bê tông có số đo 8,46 mét.

Hướng Tây giáp đất ông Lê Văn B có số đo 8,45 mét.

Hướng Nam giáp đất giao cho bà T, ông D có số đo 150,05 mét.

Hướng Bắc giáp đất bà Ngô Thị T3 có số đo 107,10 mét.

(Có sơ đồ kèm theo)

Buộc bà Huỳnh Thị S có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Huỳnh Kim T, ông Trương Hữu D giá trị cây trồng số tiền 203.973.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Giao cho bà Huỳnh Kim T và ông Trương Hữu D phần đất diện tích 3.547,9m^2, có tứ cận:

Hướng Đông giáp đường bê tông có số đo 26,34 mét.

Hướng Tây giáp đất ông Lê Văn B có số đo 20,78 mét.

Hướng Nam giáp đất bà Bùi Thị H có số đo 155,33 mét.

Hướng Bắc giáp đất chia cho bà Huỳnh Thị S có số đo 150,05 mét.

(Có sơ đồ kèm theo)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[2] Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Huỳnh Kim T và yêu cầu độc lập của ông Trương Hữu D, về việc yêu cầu công nhận giấy giao kèo chuyển nhượng đất giữa bà Trần Thị Đ1 và ông Trương Hữu D ngày 12/7/1995 là hợp pháp.

[3] Về án phí: bà S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005902 ngày 07/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Bà Huỳnh Thị S phải chịu 8.060.930 án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 5.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 16922 ngày 18/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên còn phải nộp tiếp số tiền 3.060.930 đồng.

Bà Huỳnh Kim T, ông Trương Hữu D được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại ông Trương Hữu D tạm ứng án phí theo biên lai thu số 17095 ngày 11/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 08 giờ 30 phút ngày 19/01/2021 có mặt bà T, ông D, ông Tr, bà K và đại diện Viện kiểm sát./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Văn Triều	**Trần Thị Kim Em**	**Nguyễn Thị Diệp Thúy**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diệp Thúy